

Cẩm Mỹ, ngày 07 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 90, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 331/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị **Hoàng Thị Thanh T1**, sinh năm 1990

+ Anh **Võ Anh T2**, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: ấp 6, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T2, chị T1 đều thừa nhận: anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã SR vào năm 2008. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân đến nay khoảng 03 tháng. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Võ Minh T3 sinh ngày: 09/10/2009 và cháu Võ Minh H, sinh ngày: 23/8/2015. Khi ly hôn thỏa thuận giao 02 con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức 1.500.000 đồng/tháng/cháu.

[3] Về tài sản chung: các đương sự khai không có.

[4] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh T2 và chị T1 phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Anh T2 và chị Hoàng Thị Thanh T1.

- Về con chung: Giao 02 cháu Võ Minh T3, sinh ngày: 09/10/2009 và cháu Võ Minh H, sinh ngày: 23/8/2015 cho chị Hoàng Thị Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Võ Anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng/cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh T2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T2, chị T1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

-Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Võ Anh T2 và chị Hoàng Thị Thanh T1 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng lệ phí việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T2, chị T1 đã nộp theo biên lai số 0002037 ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T2 và anh T1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nội nhần:

- VKSND huyện CM;
- Chi cục THA DS huyện CM;
- UBND xã SR (214/2008)
- Các đương sự;
- Lầu HS.

THẨM PHÁN

**Trương Thị Thùy
Trang**